

Số: 53/2021/QĐST-HNGĐ

G, ngày 05 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Đức
2. Bà Phạm Thị Thu Trang

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 33, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Ngọc N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N là Luật sư Nguyễn Thị Kim T – Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Võ Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Ngọc N số tiền là

205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) tương đương với  $\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.593,5m<sup>2</sup>.

Ông Võ Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất thửa số 49, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.593,5m<sup>2</sup> (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ONT, còn lại là đất CLN). Theo đo đạc là các thửa đất số 49 (452,5m<sup>2</sup>, CLN); thửa 49a (559,7m<sup>2</sup>, ONT + CLN) và thửa 49b (581,3m<sup>2</sup>, ONT+CLN) tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, cùng toàn bộ hoa màu, công trình vật kiến trúc gắn liền với đất (trừ căn nhà tạm trên thửa đất số 49a do ông Nguyễn Phúc T xây dựng theo hợp đồng thuê đất ngày 03/11/2015 đã ký giữa ông Nguyễn Phúc T và ông Võ Văn Đ). Đất có tứ cận:

Cạnh Đông giáp thửa đất số 81

Cạnh Tây giáp đường huyện cấp sông Hàm Luông

Cạnh Nam giáp rạch

Cạnh Bắc giáp thửa đất số 76

(Có hồ sơ đo đạc thửa đất kèm theo)

Ông Võ Văn Đ được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân của ông theo quy định của pháp luật sau khi ông Võ Văn Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Ngọc N số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bà Bùi Thị Ngọc N, ông Võ Văn Đ và ông Nguyễn Phúc T không có tranh chấp đối với hợp đồng thuê đất ngày 03/11/2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về phí phí tố tụng: Tổng cộng là 4.495.000đ (Bốn triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Bà Bùi Thị Ngọc N và ông Võ Văn Đ mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  số tiền nêu trên là 2.247.500đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Bà Bùi Thị Ngọc N đã tạm ứng nộp xong nên ông Võ Văn Đ có trách nhiệm hoàn trả cho bà N số tiền 2.247.500đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Về án phí: Bà Bùi Thị Ngọc N phải chịu số tiền là 10.250.000đ (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 14.749.000đ (Mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 0000437 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà Bùi Thị Ngọc N được hoàn lại số tiền 4.499.000đ (Bốn triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo biên lai nêu trên.

Ông Võ Văn Đ phải chịu số tiền là 12.214.000đ (Mười hai triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Khắc Giang**